

Số: **54** /TB-THYT

Yên Thọ, ngày 14 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào thông báo xét duyệt/ thẩm định quyết toán ngân sách năm 2021 số 355/PGD&ĐT ngày 13/4/2022 của phòng PGD&ĐT Đông Triều.

Trường Tiểu học Yên Thọ thông báo:

Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường Tiểu học Yên Thọ (Số liệu theo biểu mẫu 04 ngày 14 tháng 4 năm 2022).

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Phương Thảo

Số: **38** /QĐ-THYT

Yên Thọ, ngày 14 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào thông báo xét duyệt/ thẩm định quyết toán ngân sách năm 2021 số 355/PGD&ĐT ngày 13/4/2022 của phòng PGD&ĐT Đông Triều.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường Tiểu học Yên Thọ (theo biểu mẫu chi tiết đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Bộ phận hành chính kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tổ trưởng VP: công khai;
- Lưu: VP

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Phương Thảo

Yên Thọ, ngày 14 tháng 04 năm 2022

BIÊN BẢN

**Về việc công khai thực hiện quyết toán thu chi ngân sách nhà nước,
nguồn khác năm 2021**

Hôm nay, hồi 15 giờ 30 phút ngày 14 tháng 04 năm 2021

Tại: Trường Tiểu học Yên Thọ

Đã tiến hành lập biên bản công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước, nguồn khác năm 2021 bằng hình thức: Niêm yết tại trụ sở cơ quan và đưa lên trang điện tử của trường tại địa chỉ thyentho.dongtrieu.edu.vn

Thành phần lập biên bản:

- | | | |
|---------------------------|----------------------------------|---------------|
| 01. Bà Vũ Thị Phương Thảo | - Hiệu trưởng | - Trưởng đoàn |
| 02. Bà Hoàng Thị Thu Hà | - Phó hiệu trưởng | - Phó đoàn |
| 03. Bà Vũ Thị Bảo | - Chủ tịch công đoàn | - Ủy viên |
| 04. Bà Nguyễn Thị Thảo | - Thư ký hội đồng | - Ủy viên |
| 05. Bà Đỗ Thị Dung | - Trưởng BTTND | - Ủy viên |
| 06. Bà Trần Thị Hoàn | - Tổ trưởng tổ chuyên môn tổ 1 | - Ủy viên |
| 07. Bà Lê Thị Lan | - Tổ trưởng tổ chuyên môn tổ 2+3 | - Ủy viên |
| 08. Bà Phạm Thị Lê | - Tổ trưởng tổ chuyên môn tổ 4+5 | - Ủy viên |
| 09. Bà Ngô Thị Thu Chang | - Kế toán | - Ủy viên |

Nội dung:

Trường Tiểu học Yên Thọ đã tiến hành niêm yết công khai thực hiện quyết toán thu chi ngân nhà nước, nguồn khác năm 2021 bằng hình thức: Niêm yết tại trụ sở cơ quan và đưa lên trang thông tin điện tử của trường

Địa điểm niêm yết:

+ Bảng tin và phòng hội đồng trường Tiểu học Yên Thọ.

+ Địa chỉ trang điện tử: thyentho.dongtrieu.edu.vn

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày, những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN

Chủ tịch



Vũ Thị Bảo

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỞNG

Hiệu trưởng



Vũ Thị Phương Thảo

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN THỌ
Chương: 622 Loại 070 Khoản 072

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-THYT ngày 14/4/2022 của Trường Tiểu học Yên Thọ)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị)
1	2	3	4	5=4-3	6
I	Quyết toán thu- chi	1.739.103.029	1.739.103.029	0	
1	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	11.058.132	11.058.132	0	
1	Tiền chăm sóc bán trú		0	0	
2	Tiền ăn + chất đốt	1.678.232	1.678.232	0	
3	Xe đạp		0	0	
4	Tiền vệ sinh chung		0	0	
5	Tin học		0	0	
6	Tiền nước uống		0	0	
7	Tiền tiếng anh với người nước ngoài	3.996.900	3.996.900	0	
8	Tiền kỹ năng sống	5.383.000	5.383.000	0	
9	Tiền CSSKBD		0	0	
10	Tiền hoàn trả BHYT		0	0	
11	Tiền thưởng		0	0	
A	Tổng số thu trong năm	1.739.103.029	1.739.103.029	0	
1	Tiền chăm sóc bán trú	150.589.400	150.589.400	0	
2	Tiền ăn + chất đốt	1.128.484.000	1.128.484.000	0	
3	Xe đạp	6.000.000	6.000.000	0	
4	Tiền vệ sinh chung	29.700.000	29.700.000	0	
5	Tin học	80.640.000	80.640.000	0	
6	Tiền nước uống	56.397.000	56.397.000	0	
7	Tiền tiếng anh với người nước ngoài	165.844.000	165.844.000	0	
8	Tiền kỹ năng sống	108.256.000	108.256.000	0	
9	Tiền CSSKBD	5.692.629	5.692.629	0	
10	Tiền hoàn trả BHYT	0	0	0	
11	Tiền thưởng	7.500.000	7.500.000		
B	Tổng số chi trong năm	1.744.184.561	1.744.184.561	0	
1	Tiền chăm sóc bán trú	150.589.400	150.589.400	0	
2	Tiền ăn + chất đốt	1.124.185.632	1.124.185.632	0	
3	Xe đạp	6.000.000	6.000.000	0	
4	Tiền vệ sinh chung	29.700.000	29.700.000	0	
5	Tin học	80.640.000	80.640.000	0	
6	Tiền nước uống	56.397.000	56.397.000	0	
7	Tiền tiếng anh với người nước ngoài	169.840.900	169.840.900	0	



8	Tiền kỹ năng sống	113.639.000	113.639.000	0	
9	Tiền CSSKBĐ	5.692.629	5.692.629	0	
10	Tiền thoái thu BHYT	0	0		
11	Tiền thưởng	7.500.000	7.500.000	0	
C	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm	5.976.600	5.976.600	0	0
1	Tiền chăm sóc bán trú	0	0		
2	Tiền ăn + chất đốt	5.976.600	5.976.600		
3	Xe đạp	0	0		
4	Tiền vệ sinh chung	0	0		
5	Tin học	0	0		
6	Tiền nước uống	0	0		
7	Tiền tiếng anh với người nước ngoài	0	0		
8	Tiền kỹ năng sống	0	0		
9	Tiền CSSKBĐ	0	0		
10	Tiền thoái thu BHYT	0	0		
11	Tiền thưởng	0	0	0	
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	4.054.582.100	4.054.582.100	0	
1	Chi thường xuyên	3.778.900.000	3.778.900.000	0	
a	Chi thanh toán cá nhân	3.095.649.811	3.095.649.811	0	
	Mục 6000: Tiền lương	1.578.308.319	1.578.308.319	0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	959.848.881	959.848.881	0	
	Mục 6200: Tiền thưởng	12.516.000	12.516.000	0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	2.020.000	2.020.000	0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	428.597.700	428.597.700	0	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	114.358.911	114.358.911	0	
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	620.523.889	620.523.889	0	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	73.095.889	73.095.889	0	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	42.273.800	42.273.800	0	
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	20.306.000	20.306.000	0	
	Mục 6700: Công tác phí	13.170.000	13.170.000	0	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	102.273.600	102.273.600	0	
	chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	298.238.000	298.238.000	0	
	ngành	49.566.600	49.566.600	0	
	môn		-	0	
	Mục 7050: Mua, đầu tư tài sản vô hình	21.600.000	21.600.000		
C	Các khoản chi khác	62.726.300	62.726.300	0	
	Mục 7750: Chi khác	62.726.300	62.726.300	0	
2	Chi không thường xuyên	275.682.100	275.682.100	0	
a	Chi thanh toán cá nhân	89.182.100	89.182.100	0	
	Mục 6149: Phụ cấp khác	65.532.100	65.532.100		
	Mục 6157: Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	11.650.000	11.650.000		
	Mục 6449: Chi khác	12.000.000	12.000.000	0	
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	186.500.000	186.500.000		
	Mục 6757: Thuê lao động trong nước	1.500.000	1.500.000	0	
	Mục: 6907 Nhà cửa	175.000.000	175.000.000		
	Mục 7049: Chi khác	10.000.000	10.000.000		

III	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm	5.976.600	5.976.600	0	
1	Tiền chăm sóc bán trú	0	0		
2	Tiền ăn + chất đốt	5.976.600	5.976.600		
3	Xe đạp	0	0		
4	Tiền vệ sinh chung	0	0		
5	Tin học	0	0		
6	Tiền nước uống	0	0		
7	Tiền tiếng anh với người nước ngoài	0	0		
8	Tiền kỹ năng sống	0	0		
9	Tiền CSSKBĐ	0	0		
10	Tiền hoàn trả BHYT	0	0		
11	Tiền thưởng	0	0		



Vũ Thị Phương Thảo

G. TRU. T. QUANG